

Tín dụng cho người nghèo- Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

Tín dụng dành riêng cho người nghèo là một trong những dịch vụ tài chính mới xuất hiện trên thế giới từ những năm 1970.

Khi đó, Bangladesh được biết đến như một quốc gia tiên phong với sự ra đời của Ngân hàng Grameen vào năm 1976. Nhằm cung cấp cho người nghèo những dịch vụ tài chính mà nổi bật là các khoản tín dụng không yêu cầu tài sản bảo đảm, các ngân hàng, tổ chức tín dụng ở nhiều quốc gia đã giúp người nghèo nâng cao năng lực sản xuất- kinh doanh; từ đó cải thiện đời sống kinh tế- xã hội, góp phần vào mục tiêu xóa đói giảm nghèo của đất nước. Bài viết tập trung tìm hiểu mô hình hoạt động và chính sách tín dụng cho người nghèo tại Bangladesh và Indonesia, đánh giá thành tựu và hạn chế, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc cung cấp dịch vụ tín dụng đặc biệt này.

ThS. TRẦN LAN PHƯƠNG



Từ khóa: *chính sách tín dụng, người nghèo, Bangladesh, Indonesia*

1. Kinh nghiệm của Bangladesh

Bangladesh là một nước đang phát triển với gần 40% dân số sống dưới mức nghèo đói và chủ yếu ở khu vực nông thôn với nông nghiệp là nguồn thu nhập chính. Xóa đói giảm nghèo ở một quốc gia như Bangladesh là nhiệm vụ vô cùng khó khăn và thử thách. Theo đó, trong suốt thời kỳ rất dài từ trước và sau khi độc lập, Chính phủ Bangladesh đã dành toàn bộ thời gian vào mục tiêu ưu tiên hàng đầu là xóa đói giảm nghèo thông qua chương trình tín dụng vi mô được khởi xướng bởi người đạt giải Nobel- GS.TS. Muhammad Yunus. Đây là dự án cung cấp dịch vụ ngân hàng cho người nghèo ở nông thôn Bangladesh, giúp họ có vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm nâng cao

thập thông tin về tài sản, thu nhập... Khoản vay đầu tiên sẽ được cấp cho 2 người được chính nhóm lựa chọn, 3 người còn lại sẽ lần lượt được vay nếu những người trước trả nợ đúng hạn. Do vậy, áp lực từ các thành viên trong nhóm là một yếu tố quan trọng đảm bảo tình hình trả nợ của mỗi người vay. Thêm vào đó, nếu người vay muốn vay lại thì phải chứng minh được các khoản vay trước đó có sinh lời.

Các thành viên của nhóm vay không phải đi đến ngân hàng mà được nhận dịch vụ thông qua nhân viên ngân hàng tại các buổi họp hàng tuần của nhóm. Nhân viên ngân hàng sẽ thực hiện giải ngân, thu nợ và giải đáp tất cả thắc mắc của người vay. Những nhân viên nữ sẽ làm việc với người vay là phụ nữ. Không những vậy, trong quá trình hình thành nhóm vay cũng như thực hiện vay vốn, người nghèo còn được tham dự

Ngân hàng Grameen thấy rằng chỉ tín dụng là không đủ, mà người nghèo cần phát triển về mặt nhận thức và cách thức tổ chức sản xuất để sản xuất, kinh doanh có tính kỷ luật và hiệu quả hơn. Theo đó, bên cạnh việc cung cấp tín dụng đơn thuần, Ngân hàng Grameen đã quyết định phối hợp cùng các tổ chức phi Chính phủ, tổ chức tài chính vi mô khác nhằm cung cấp các chương trình đào tạo kỹ năng và cách thức tổ chức sản xuất cho người nghèo.

thu nhập.

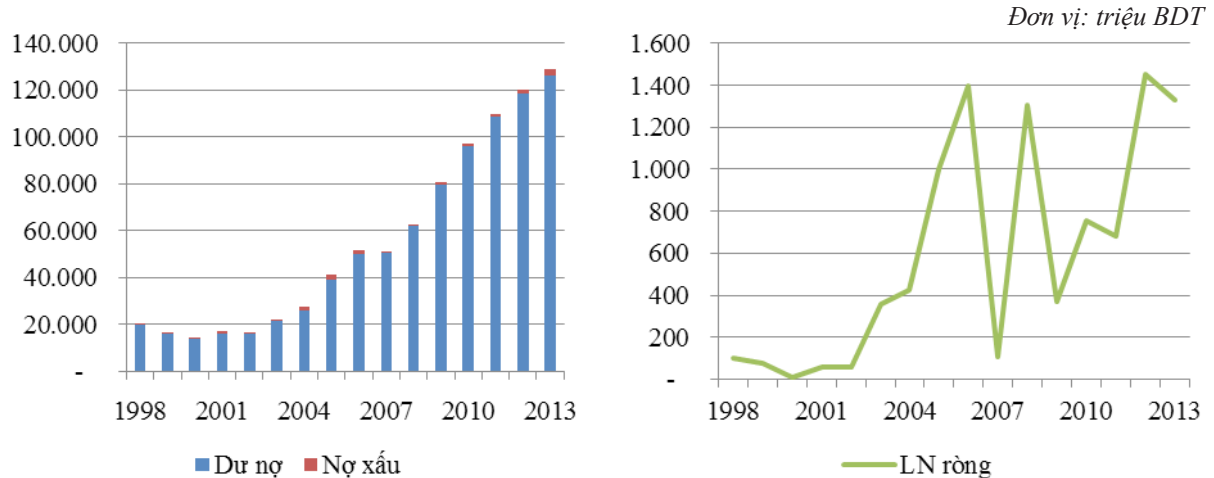
Tín dụng vi mô được cung cấp đầu tiên thông qua ngân hàng Grameen. Đặc trưng của chương trình tín dụng vi mô này là những khoản tín dụng không yêu cầu tài sản đảm bảo thông thường mà thay vào đó là đảm bảo bằng trách nhiệm của mỗi nhóm vay. Nhóm bao gồm 5 người vay có đặc điểm kinh tế- xã hội tương đồng, ràng buộc nhau về việc chia sẻ trách nhiệm, giám sát và quản lý lẫn nhau, nhằm làm giảm sự bất cân xứng thông tin trong hoạt động tín dụng. Người vay thuộc những hộ gia đình nghèo, sở hữu ít hơn 0,2 ha đất và theo quy định của ngân hàng thì các thành viên trong một gia đình, thậm chí họ hàng gần cũng không được phép cùng tham gia một nhóm vay. Khi mỗi nhóm vay được hình thành, một nhân viên ngân hàng sẽ kiểm tra điều kiện thành viên bằng cách đến thăm các hộ gia đình nhằm thu

các buổi đào tạo của ngân hàng nhằm hiểu rõ được các quy tắc, quy định của ngân hàng cũng như quyền lợi và nghĩa vụ của người vay đối với khoản vay. Những người chưa biết đọc, biết viết còn được nhân viên ngân hàng dạy cách ký tên. Bên cạnh việc đi vay thì người nghèo cũng có trách nhiệm đóng một khoản tiền tiết kiệm cho ngân hàng. Số tiền 1 BDT (đồng tiền của Bangladesh) mỗi tuần không quá khó khăn với người nghèo nhưng có ý nghĩa trong việc khuyến khích người nghèo tiết kiệm, giảm dần gánh nặng trả nợ gốc và hơn nữa, góp phần làm tăng nguồn vốn huy động của ngân hàng, giúp ngân hàng tiếp tục phục vụ được nhiều người nghèo hơn.

Ngoài ra, Ngân hàng Grameen còn cho vay các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ, để họ mở cửa hàng tạp hóa, mua xe tải nhỏ, xây dựng nhà cửa và phát triển điện thoại, thông tin liên lạc đến



Hình 1. Thống kê dư nợ, nợ xấu và lợi nhuận ròng của Ngân hàng Grameen giai đoạn 1998- 2013



Nguồn: Website Ngân hàng Grameen

với người nghèo... Để chuẩn bị cho các thế hệ sau không còn đói nghèo, Ngân hàng Grameen khuyến khích con em các gia đình thành viên ghi danh đến trường và cố gắng học tập tốt. Ngân hàng trao tặng học bổng cho các học sinh xuất sắc ở các chi nhánh và cung cấp các khoản vay dành cho việc học cho tất cả các học sinh chuẩn bị vào đại học, các trường y khoa, kỹ thuật hay các trường đào tạo nghề khác. Ngân hàng còn có một chương trình đặc biệt cho những người ăn xin gọi là Chương trình cho các thành viên khó khăn. Những người ăn xin sẽ nhận được món vay không phải trả lãi. Hàng chục nghìn người ăn xin đã tham gia chương

trình này và nhiều người đã hoàn toàn từ bỏ nghề cũ.

Ngân hàng Grameen khi mới thành lập được hình thành bởi 90% vốn Nhà nước. Đến nay, 90% cổ phần của Ngân hàng Grameen được sở hữu bởi chính những khách hàng của ngân hàng và 10% còn lại là phần vốn của Chính phủ. Ngân hàng theo đuổi mục tiêu phi lợi nhuận và được miễn thuế trong suốt quá trình hoạt động. Ngân hàng tạo ra lợi nhuận, tự lực về tài chính và không còn nhận các khoản tài trợ từ 1995, không còn vay từ thị trường trong nước. Tính đến cuối năm 2013, tổng doanh số cho vay của Ngân hàng Grameen cho người nghèo

Bảng 1. Các tiêu chí hộ nghèo của Indonesia

Chỉ tiêu	Tiêu chí hộ nghèo
Diện tích nhà ở	<8m2/người
Loại nhà ở	Nhà vách đất/tre/gỗ rẻ tiền
Tường nhà ở	Tranh/tre/gỗ chất lượng thấp
Nhà vệ sinh	Chung/công cộng/không có
Nguồn thấp sáng chính	Không phải là điện
Nguồn nước uống	Nước giếng khoan/nước sông
Nhiên liệu để nấu ăn hàng ngày	Chỉ có đủ sử dụng 1 lần/tuần
Thường xuyên ăn thịt/gà/sữa	2 lần/tháng
Mua quần áo mới hàng năm	Chỉ mua 1 bộ/năm
Khả năng chi trả tiền khám chữa bệnh	Không có khả năng
Nghề chính của chủ hộ	Lao động tay chân với thu nhập <600.000 rupiah/tháng/hộ
Trình độ học vấn cao nhất	Không được đi học/chưa tốt nghiệp tiểu học
Sở hữu tài sản có giá/ tiết kiệm	Không có

Nguồn: Parulian và cộng sự (2014)



là 947 tỷ BDT, tổng tiền gửi của người vay là 92 tỷ BDT và của người ngoài là 56 tỷ BDT. Ngân hàng này cung cấp món vay cho 6,74 triệu người nghèo, 96,21% trong số họ là phụ nữ. Mặc dù phải theo đuổi chính sách cho vay nhiều người nghèo với lãi suất 0%, nhưng lợi nhuận ròng của Ngân hàng Grameen năm 2013 vẫn đạt 1.333 triệu BDT, đảm bảo mức chia cổ tức 30% bằng tiền mặt cũng như lợi nhuận giữ lại khác (website Ngân hàng Grameen).

2. Kinh nghiệm của Indonesia

Gần 70% dân số Indonesia sống ở khu vực nông thôn, dựa vào nghề chính là nông nghiệp. Đối nghèo đang ngày một gia tăng ở những khu vực này; 16,6% người nghèo sinh sống ở khu vực nông thôn so với 9,9% người nghèo sống ở thành thị. Hàng triệu hộ nông dân, ngư dân không được hưởng những thành tựu về mặt vật chất và tài chính từ việc tăng trưởng kinh tế hàng năm. Họ thường bị tách biệt về mặt địa lý, không được tiếp cận các dịch vụ khuyến nông và tài chính. Mặc dù đã có những cải thiện trong giáo dục và chăm sóc sức khỏe, các dịch vụ công cộng và tiêu chuẩn sức khỏe vẫn chênh lệch nhiều so với các nước thu nhập trung bình khác.

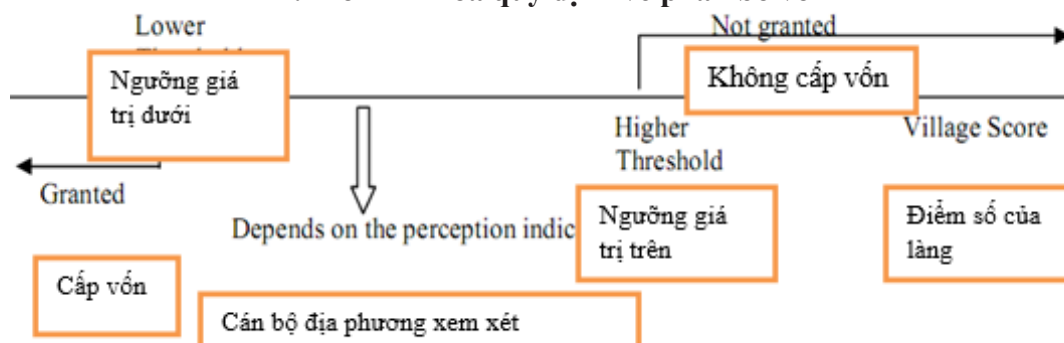
Một trong những chương trình tín dụng cho người nghèo nổi tiếng nhằm xóa đói giảm nghèo ở Indonesia là IDT (Dự án cho những “ngôi làng tụt hậu”). Khác với mô hình tín dụng vi mô của Ngân hàng Grameen ở Bangladesh, IDT được triển khai bởi Tổ chức phi chính phủ (NGOs) giai đoạn năm 1993- 1997. Khi đó, IDT tập trung xóa đói giảm nghèo ở dân cư sống ở vùng sâu vùng xa, ít có cơ hội làm kinh tế nhằm tạo ra nhiều cơ hội việc làm, cải thiện

đời sống của người nghèo một cách bền vững. Để xác định được đúng đối tượng cho vay, NGOs tiến hành hai bước gồm (i) chọn lọc các “ngôi làng tụt hậu” (backward villages), và (ii) lựa chọn các hộ nghèo trong làng và cấp vốn cho họ. Các ngôi làng được chọn lựa dựa trên một chỉ số thể hiện số lượng và chất lượng cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội của địa phương do Chính phủ quy định. Chỉ số này có ngưỡng giá trị trên và dưới. Ngôi làng chắc chắn được chọn cho vay nếu có mức điểm nhỏ hơn ngưỡng giá trị dưới, còn sẽ được xem xét nếu ở giữa hai ngưỡng giá trị. Khi được chọn, tất cả các ngôi làng IDT sẽ nhận được những khoản tiền như nhau bất kể quy mô dân số. Như vậy, một làng IDT có ít hộ gia đình thì mỗi hộ sẽ nhận được nhiều vốn vay hơn so với những làng có nhiều hộ gia đình.

Sau khi lựa chọn được làng IDT, các hộ nghèo trong từng làng tiếp tục được chọn lọc thông qua các tiêu chí đánh giá do mỗi làng tự quy định. Ngoại trừ một số hộ gia đình đủ điều kiện nhưng không vay vốn từ IDT, tỷ lệ tham gia vào chương trình IDT lên tới 87,29%. Chính phủ khuyến nghị mỗi nhóm vay nên có khoảng 30 hộ nghèo sống trong cùng một làng. Mỗi nhóm phải lập một đề án hoạt động của nhóm, có danh sách các thành viên của nhóm, số tiền nhóm dự kiến vay và các hoạt động sản xuất, kinh doanh mà nhóm dự kiến thực hiện. Bản đề án này được phê duyệt bởi lãnh đạo cấp xã. Khi xã đồng ý thì người nghèo nhận được vốn vay trực tiếp từ NGOs. Hầu hết người vay từ chương trình IDT đều sử dụng vốn cho mục đích sản xuất nông nghiệp. 80% người vay

đầu tư tiền vào các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và ngư nghiệp. Phần còn lại dùng tiền để buôn bán

Hình 2. Mô hình hóa quy định về phân bổ vốn IDT





nhỏ (Yamauchi, 2004). IDT cũng thuê một đội ngũ nhân viên là những người làm việc ở các tổ chức chính trị, xã hội cấp xã hoặc chính những giáo viên, chuyên gia sống ở các ngôi làng IDT để hỗ trợ các nhóm vay trong việc thành lập và sử dụng vốn.

IDT đã có những thành công nhất định khi mỗi năm cho vay khoảng 200 triệu USD cho hơn 20.000 làng tại Indonesia. Trong khi những gói tín dụng truyền thống chỉ cung cấp được 4,5 triệu Rp cho mỗi làng, IDT cấp khoảng 20 triệu Rp/năm (khoảng 8.800 USD/năm). IDT là chương trình tín dụng với độ tự chủ cao giao cho các làng và các nhóm vay, đây là điều khá hiếm ở một đất nước có mức độ tập trung cao như ở Indonesia. Với hiệu quả đạt được trong việc tạo ra nhiều cơ hội việc làm và cải thiện phúc lợi xã hội cho người nghèo, IDT là chìa khóa để giải quyết các vấn đề về tái phân phối các dịch vụ công cộng một cách hiệu quả.

Tuy vậy, cũng chính vì độ tự chủ cao mà IDT phải đối mặt với nhiều thách thức. Ví dụ như, việc cán bộ xã được quyền lựa chọn làng cho vay và xét duyệt phương án kinh doanh có thể không chính xác; các hỗ trợ viên của chương trình cũng không hoạt động hiệu quả do không có đủ kinh nghiệm và kỹ năng triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh tại các khu vực vùng sâu vùng xa. Việc phân bổ tín dụng theo kiểu “cào bằng” cũng không mang lại hiệu quả cao bởi nhu cầu vốn ở mỗi địa phương, mỗi làng là khác nhau.

Có thể dễ dàng nhận thấy sự thay đổi theo hướng tích cực của tình hình nghèo tại Indonesia. Tỷ lệ người nghèo ở nông thôn và trên toàn quốc đều thể hiện xu hướng giảm xuống từ năm 1999 cho tới nay. Tình hình sử dụng nước sạch cũng được cải thiện khi tỷ lệ sử dụng nước sạch tại nông thôn tăng từ hơn 61% vào đầu thập niên 90 lên 76,4% vào năm 2012. Nhìn một cách tổng thể, tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp giảm dần và tương ứng là tỷ trọng đóng góp của lĩnh vực nông nghiệp cũng giảm theo nhưng ở mức độ thấp hơn cho thấy những tiến bộ rõ nét trong năng suất lao động của người dân Indonesia.

3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Thứ nhất, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho tài chính vi mô, từ đó chính thức hóa các tổ chức tài chính vi mô nhằm tăng cường sự hỗ trợ cho người nghèo. Tại Việt Nam, hiện có hàng trăm tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính vi mô thuộc ba khu vực: (i) khu vực chính thức (hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn), (ii) khu vực bán chính thức (các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước và chương trình của các tổ chức xã hội), và (iii) khu vực phi chính thức (các nhóm cho vay tương hỗ dưới hình thức phường, họ, hội, thậm chí vay nặng lãi). Việc chuyển đổi của các tổ chức, nhóm cho vay thuộc khu vực bán chính thức và phi chính thức sang khu vực chính thức nhằm tổ chức hoạt động tài chính vi mô theo hướng chuyên nghiệp và bền vững, bảo đảm khả năng kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và an toàn tài chính quốc gia là điều hết sức cần thiết.

Theo đó, các bộ ngành liên quan cần sớm hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động của tổ chức tài chính vi mô, tạo điều kiện cho các tổ chức hoạt động thuận lợi, thúc đẩy nhanh tiến trình chính thức hóa. Các hành động cụ thể bao gồm: (i) Sớm ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) năm 2010 về tổ chức tài chính vi mô; (ii) có quy định cụ thể về chế độ hạch toán và báo cáo kế toán- tài chính, có chính sách miễn thuế; và (iii) sửa đổi những bất cập liên quan đến quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn, hệ thống kho quỹ... cho phù hợp với đặc thù của tài chính vi mô.

Thứ hai, xây dựng chiến lược đưa tín dụng tiếp cận với người nghèo. Lĩnh vực tín dụng cho người nghèo tại khu vực nông thôn có tiềm năng phát triển rất lớn song sự tham gia và mức độ cạnh tranh của các TCTD trong lĩnh vực này hầu hết vẫn còn rất yếu tại nhiều quốc gia đang phát triển. Việt Nam là một trong những quốc gia tại Đông Nam Á có tỷ lệ tiếp cận dịch vụ tài chính thấp, tỷ lệ phụ nữ và người nghèo, nhất là ở khu vực nông thôn, được tiếp cận các dịch vụ tài chính còn hạn chế hơn nhiều. Do vậy, việc



hỗ trợ người nghèo tiếp cận tín dụng là một trong những thách thức lớn của Việt Nam. Để từng bước thâm nhập vào lĩnh vực này, các tổ chức tài chính cần xây dựng một chiến lược cụ thể bao gồm chiến lược kinh doanh, nguồn vốn, mạng lưới, nhân sự để mở rộng hoạt động tới người nghèo và tiếp cận được khu vực nông thôn một cách bền vững. Việc phối hợp với chính quyền địa phương, những tập thể, cá nhân có tiếng nói tại địa phương là hết sức cần thiết để tạo lập được một kênh quảng bá, phân phối sản phẩm, dịch vụ tín dụng tới khách hàng tại các địa bàn rộng lớn. Tương ứng, công tác đào tạo nghiệp vụ và hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát chất lượng là các ưu tiên cần được đầu tư sớm nhằm đáp ứng tốt khả năng quản trị rủi ro, phù hợp với đặc thù của cho vay người nghèo và lĩnh vực nông thôn. Thứ ba, cung cấp tín dụng đi kèm các chương trình đào tạo kỹ năng sử dụng vốn. Đối tượng của tín dụng vì mô đa phần là những người nghèo sống ở khu vực nông thôn của những nước đang phát triển và phụ nữ ở những đất

nước lạc hậu, bất bình đẳng nên khả năng lao động, sản xuất kinh doanh tạo ra của cải vật chất là tương đối hạn chế. Tại nhiều nước (như Bangladesh), tỷ lệ người không biết đọc biết viết rất cao, phụ nữ không được đến trường hay tham gia vào các công việc bên ngoài gia đình, ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu các kiến thức, kỹ thuật trong hoạt động sản xuất. Chính vì vậy, việc cung cấp tín dụng đi kèm với các khóa học đào tạo, hướng dẫn nhằm cải thiện kỹ năng lao động của các đối tượng chính sách, hướng đến quản lý và sử dụng vốn vay có hiệu quả là vô cùng cần thiết. Theo đó, bên cạnh các chương trình đào tạo của chính các TCTD, tổ chức đối tác, Chính phủ cũng cần tăng cường đầu tư, nâng cấp, bố trí hệ thống đào tạo, dạy nghề cho lực lượng lao động nông thôn để cung cấp lượng lao động có sức khỏe, có tay nghề cao cho các ngành của đất nước. Xây dựng kế hoạch phân bổ lao động giữa các vùng, miền các ngành kinh tế của đất nước, bảo đảm khai thác tốt tiềm năng lao động của nước ta gắn với

xem tiếp trang 60

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khandker. S. R., 1998, *Fighting Poverty with Microcredit: Experience in Bangladesh*, Published for the World Bank, Oxford University Press
2. Parulian.S. và cộng sự (2014), *Effectiveness of Micro-Credit in poverty alleviation in South Jakarta, Indonesia*, *International Journal of Business and Management Invention*, Vol.3, Issue 11.
3. Yamauchi. C., 2004, *Evaluating poverty alleviation: Evidence from a Uniquely Assigned Assigned Program in Indonesia*, *The Population Association of America 2005 Annual Meeting*.

SUMMARY

Credit to the poor- International experience and lessons for Vietnam

Credit to the poor has launched since 1970s. Bangladesh has been known as a pioneer with the creation of Grameen bank in 1976. By providing financial services for the poor, especially credit without collaterals, credit institutions in many countries have helped poor people to improve their working capacity, increase living standard, and contribute to the course of poverty alleviation. This paper focuses on the model and credit policy in Bangladesh and Indonesia, assesses the successes and failures to withdraw lessons for Vietnam in providing this service.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Trần Lan Phương, Thạc sỹ

Đơn vị công tác: Ngân hàng Chính sách xã hội

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tín dụng, quản trị ngân hàng

Tạp chí tiêu biểu có bài viết đăng tải: Tạp chí ngân hàng



MF, though with different levels of success. Particularly in Vietnam, the study of MF in the banking sector mostly focuses on 2 state-owned banks which are Agriculture and Rural Development Bank (Agribank) and Social Policy Bank. The success of MF development in credit institutions can be evaluated through two basic criteria: customer accessibility and the sustainability of the organization. However, how can these two criteria relate to each other regarding the development of MF activities in commercial banks? The purpose of this study is to discuss and answer this question in order to select and allocate appropriate resources to invest in the development of MF.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Nguyễn Mạnh Hùng, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Ngân hàng Trung ương, chính sách tiền tệ, tín dụng ngân hàng, quản trị rủi ro.

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, Tạp chí Thị trường tài chính và Tiền tệ, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng.

E-mail: manhhungvba@gmail.com

Lê Thanh Tâm, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Viện Ngân hàng- Tài chính, Đại học Kinh tế Quốc dân

Lĩnh vực nghiên cứu chính: NHTM, tài chính vi mô, quản trị rủi ro.

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, Tạp chí Ngân hàng.

E-mail: tamlt@neu.edu.vn; taminhanoi@yahoo.com.vn

Phạm Bích Liên, Nghiên cứu sinh

Đơn vị công tác: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

Lĩnh vực nghiên cứu chính: NHTM, tín dụng ngân hàng, tài chính vi mô.

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, Tạp chí Ngân hàng.

E-mail: lienpb@lienvietpostbank.com.vn, phambichlien2009@gmail.com

tiếp theo trang 72

từng vùng, từng ngành nghề. Bên cạnh đó, các tổ chức tài chính vi mô cần chủ động trong việc sáng tạo và phát triển các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với người nghèo ở từng địa phương, trong từng giai đoạn. Việc chủ động mở rộng nguồn vốn phục vụ hoạt động cũng cần được chú trọng. Một mặt các tổ chức cần phát triển hình thức kết hợp các khoản vay ưu đãi với tiết kiệm của khách hàng để tăng trưởng vốn, mặt khác cần gắn kết với hoạt động của các tổ chức tín dụng, ngân hàng khác nhằm

tạo sự liên thông nguồn vốn, đảm bảo cho các chương trình tín dụng vi mô. ■

tiếp theo trang 66

Với những thành tựu kinh tế đã đạt được trong thời gian qua cũng như định hướng phát triển kinh tế xã hội Khánh Hòa trong thời gian sắp tới có thể thấy, nhu cầu cũng như tiềm năng về huy động vốn của hệ thống NHTM tại Khánh Hòa là rất lớn; và vì thế, tình trạng cạnh tranh giữa các ngân hàng là vấn đề không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, để vấn đề

cạnh tranh không ảnh hưởng đến mục tiêu kinh doanh hiệu quả, lành mạnh và an toàn của toàn hệ thống ngân hàng trên địa bàn, thiết nghĩ, các ngân hàng cần hiểu đúng được vị thế, năng lực và thực trạng của mình trong hoạt động của toàn hệ thống để từ đó có các định hướng chiến lược kinh doanh phù hợp. ■